| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC THÀNH PHỐ HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 432/2024/HNGĐ-ST Ngày: 27/9/2024 *V/v: Tranh chấp về hôn nhân gia đình* | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Quản Việt Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Xuân Lưu và bà Nguyễn Thị Lan.

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Sinh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:*** Ông Lưu Thế Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoài Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 302/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2024, theo Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2024/QĐ-HPT ngày 20 tháng 9 năm 2024; giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1979;

Trú tại: thôn Rô, xã Sơn Đồng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

(Có mặt)

* **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1983;

Trú tại: thôn 3, xã Lại Yên, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

(Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

****Trong đơn khởi kiện, Bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên toà, nguyên đơn là anh Hoàng Văn T trình bày:***

Anh và chị Nguyễn Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 12/9/2014 tại trụ sở UBND xã Lại Yên, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Sau khi cưới vợ chồng chị ở nhà anh Trung tại thôn Rô, xã Sơn Đồng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống bình thường đến năm

2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và chị My có những cử chỉ và lời nói không đúng mực, không tôn trọng, thường xuyên xúc phạm anh và gia đình, dẫn đến cuộc sống ngột ngạt, anh không thể chịu đựng được nữa nên tháng 4 năm 2024 anh đã ra thuê nhà ở riêng, đến tháng 7/2024 thì chị My chuyển về nhà đẻ tại thôn 3, xã Lại Yên để sinh sống. Nay anh Trung xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh xin ly hôn chị Nguyễn Thị M.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị M có 02 con chung là cháu Hoàng Bảo Nhi, sinh ngày 06/10/2014 và cháu Hoàng Văn Dương, sinh ngày 11/01/2019. Hiện tại cháu Nhi đang ở cùng với mẹ, cháu Dương đang ở cùng với bố. Anh mong muốn được nuôi 02 con và không yêu cầu chị My phải cấp dưỡng nuôi 02 cháu.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung, không vay nợ ai và không cho ai vay, nếu có phát sinh nợ sau này, anh chị hoàn toàn chịu trách nhiệm.

***Tại bản tự khai, quá trình tố tụng, bị đơn là chị Nguyễn Thị My trình bày:***

Chị thừa nhận lời khai của anh Trung về thời gian kết hôn là chính xác. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì, anh Trung vẫn chăm lo cho vợ con đầy đủ. Thời gian gần đây do anh Trung không chung thủy dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, cãi nhau và anh Trung ra ngoài ở riêng. Trong thời gian vợ chồng ly thân, chị cũng đã nhiều lần liên hệ, trao đổi hàn gắn nhưng anh Trung không đồng ý. Hiện tại các con vẫn còn nhỏ, chị vẫn còn tình cảm với anh Trung nên chị không đồng ý ly hôn. Đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái.

Về con chung: Chị thừa nhận chị và anh Trung có 02 con chung là cháu Hoàng Bảo Nhi, sinh ngày 06/10/2014 và cháu Hoàng Văn Dương, sinh ngày 11/01/2019. Từ khi vợ chồng ly thân, hai cháu ở cùng với chị, khoảng thời gian gần đây thì chị có cho các cháu ở cùng với bố. Hiện tại chị không có chỗ ở và công việc ổn định, vì vậy nếu Tòa giải quyết ly hôn thì chị thống nhất để cháu Nhi ở cùng với chị, cháu Dương ở cùng anh Trung trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu có phát sinh nợ sau này, anh chị hoàn toàn tự chịu trách nhiệm.

**Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:**

1. Về việc thực hiện thủ tục tố tụng của Tòa án và các đương sự: Quá trình tố tụng từ khi thu lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của anh Hoàng Văn T xử cho anh Trung được ly hôn với chị Nguyễn Thị M. Về con chung: giao cháu Hoàng Bảo Nhi cho chị My trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu Hoàng Văn Dương cho anh Trung trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và công nợ: do chị My, anh Trung không yêu cầu nên không giải quyết. Anh Trung phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

**Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:**

**[1]. Về tố tụng:** Quan hệ tranh chấp giữ các đương sự trong vụ án là "*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung*". Chị Nguyễn Thị M hiện đang cư trú tại: Thôn 3, xã Lại Yên, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

**[2]. Về nội dung:**

***[2.1]. Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:***

Anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 12/9/2014 tại UBND xã Lại Yên, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội nên quan hệ hôn nhân giữa anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị M là hợp pháp.

Anh Trung trình bày quá trình chung sống vợ chồng phát sinh xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống , thường xuyên xảy ra cãi vã, chị My thường xuyên xúc phạm và không tôn trọng anh. Chị My đã bỏ về nhà mẹ đẻ từ tháng 7/2024, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống vợ chồng của anh Trung và chị My thiếu sự yêu thương, tôn trọng lẫn nhau. Bản thân chị My không mong muốn ly hôn nhưng trong thời gian vợ chồng ly thân, chị My cũng không đưa ra được biện pháp cải thiện quan hệ vợ chồng mà còn thường xuyên gọi điện mắng chửi anh Trung chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình,

chấp nhận đơn khởi kiện của anh Hoàng Văn T, xử cho anh Trung được ly hôn với chị Nguyễn Thị M.

***[2.2]*** Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Hoàng Bảo Nhi, sinh ngày 06/10/2014 và cháu Hoàng Văn Dương, sinh ngày 11/01/2019. Cháu Hoàng Bảo Nhi cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, Anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị M đều thống nhất để cháu Nhi ở cùng với chị My, cháu Dương ở cùng anh Trung nên Hội đồng xét xử giao cháu Hoàng Bảo Nhi cho chị Nguyễn Thị M nuôi dưỡng và cháu Dương cho anh Trung nuôi là đúng với nguyện vọng của chị My, anh Trung, cháu Nhi và phù hợp với quy định của pháp luật.

Ghi nhận anh Hoàng Văn T, chị Nguyễn Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

***[2.3]*** Về tài sản chung và công nợ: Anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

**[3]** Về án phí: Anh Hoàng Văn T phải nộp án phí ly hôn sở thẩm theo quy định của pháp luật.

**[4]** Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

***Vì các lẽ trên,***

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn T. Xử cho anh Hoàng Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị M.

**2.** Về con chung:

Giao cháu Hoàng Bảo Nhi, sinh ngày 06/10/2014 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Nhi đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác.

Giao cháu Hoàng Văn Dương, sinh ngày 11/01/2019 cho anh Hoàng Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Dương đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh Hoàng Văn T, chị Nguyễn Thị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung theo quy định của pháp luật không ai được cản trở.

**3.** Về tài sản chung : anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4.** Về công nợ chung: anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị M không vay nợ ai và không cho ai vay, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**5.** Về án phí: anh Hoàng Văn T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 005884 ngày 17/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Xác nhận anh Hoàng Văn T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

**6**. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**QUẢN VIỆT PHƯƠNG**

**Nơi nhận:**
- VKSND huyện Hoài Đức;
- Chi cục THADS huyện Hoài Đức;
- TAND. thành phố Hà Nội;
- Các đương sự;
- UBND xã Lại Yên;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIIÊN TÒA**

**Quản Việt Phương**